

TP Thủ Đức, ngày 14 tháng 5 năm 2022

Biểu mẫu 05

(Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**CAM KẾT CHẤT LƯỢNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số: 223 HS (6 lớp)	Tổng số: 224 HS (6 lớp)	Tổng số: 182 HS (5 lớp)	Tổng số: 226 HS (6 lớp)	Tổng số: 220 HS (6 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi (có thể trễ 3 tuổi). - Trẻ 6 tuổi có thường trú, tạm trú tại phường Long Phước.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Khối 1, 2, 3: thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018 ngày 26/12/2018. - Khối 4, 5: thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. - Thực hiện 35 tuần/năm học. - Ngày tựu trường: 22/8/2022 (Khối 1); 23/8/2022 (Khối 1, 2); 24/8/2022 (Khối 1, 2, 3, 4, 5). - Khai giảng: 05/9/2022. - Học 2 buổi/ngày từ 05/9/2022. - Thực hiện chương trình: Tuần 1 bắt đầu từ ngày 05/9/2022. - Học kì I: Từ ngày 05/9/2022 đến ngày 14/01/2023 (18 tuần); - Học kì II: Từ ngày 16/01/2023 đến ngày 20/5/2023 (17 tuần). - Từ ngày 22-26/5/2023 kết thúc năm học.				

		- 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100 % học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức khỏe để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022
Hiệu trưởng



Bùi Thị Cẩm Mộng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Biểu mẫu 06
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1032	230	177	211	216	198
II	Số học sinh học bán trú	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1032	230	177	211	216	198
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1032	230	177	211	216	198
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	931	225	158	198	190	160
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	101	5	19	13	26	38
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1032	215	175	210	216	198
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	18	15	2	1	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1032	215 93.5%	175 98.9%	210 99.5%	216 100%	198 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	465	123	100	81	77	84
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

7	Phòng tiếng Anh	112	
8	Phòng Bộ môn	112	
9	Phòng họp giáo viên	112	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 1	6	1 bộ / 1 lớp
2	Khối lớp 2	6	1 bộ / 1 lớp
3	Khối lớp 3	6	1 bộ / 1 lớp
4	Khối lớp 4	6	1 bộ / 1 lớp
5	Khối lớp 5	6	1 bộ / 1 lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Bảng tương tác	02	
6	Bộ âm thanh (amly, loa)	01	
7	Laptop của trường	05	
8	Laptop của GV (Mỗi giáo viên tự trang bị Laptop)	38	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	268.8

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	272 m ² / 1 phòng	180	1.5
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Khu nhà vệ sinh	Khu giáo viên		Khu học sinh	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1	1	9	9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh				
			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x			
XVI	Nguồn điện lưới quốc gia	x			
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x			
XIX	Tường rào xây	x			

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng



Bùi Thị Cẩm Mộng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TP Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Biểu mẫu 07

Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30 / 29	1.03
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.2m/hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.414	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.434	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.932	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.440	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	120	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng truyền thống	23.5	
6	Diện tích phòng tin học (2 phòng)	144	

2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	13	11	2	0	0	0
---	-------------------------------------	----	----	---	---	---	---

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Hiệu trưởng



Bùi Thị Cẩm Mộng

TP Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Biểu mẫu 08

Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2021 - 2022**

ST T	Nội dung	Tổn g số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	51			38	3	4	6							
I	Giáo viên	39			35	3	1		13	8	17	27	12		
	Trong đó số giáo viên chuyên trách:	01			01										
1	GV nhiều môn	32			31		1								
2	Ngoại ngữ	4			2	2									
3	Tin học														
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật	1			1										
6	Thể dục	1				1									
II	Cán bộ quản lý	2			2										
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên	10			1		3	6							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1					1								

3	Thủ quỹ																			
4	Nhân viên y tế	1					1													
5	Nhân viên thư viện	1				1														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																			
7	Nhân viên công nghệ thông tin																			
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																			
9	Bảo vệ	3						3												
10	Phục vụ	3						3												

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Hiệu trưởng



Bùi Thị Cẩm Mộng